

Số: 731/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 17 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 781/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/8/2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Trương Nhật S**, sinh năm: 2000; địa chỉ: **số E H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

2. Chị **Võ Thị Như Q**, sinh năm: 1999; địa chỉ: **số A L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trương Nhật S** và chị **Võ Thị Như Q** tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03/01/2023 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh **Trương Nhật S** và chị **Võ Thị Như Q** trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09/9/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh **Trương Nhật S** và chị **Võ Thị Như Q**.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị **Võ Thị Như Q** và anh **Trương Nhật S** có 01 (một) con chung là cháu **Trương Nhật Hải Đ**, sinh ngày 26/01/2023.

Sau khi ly hôn, anh **Trương Nhật S** và chị **Võ Thị Như Q** đã thỏa thuận: Giao cháu **Trương Nhật Hải Đ** cho chị **Võ Thị Như Q** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh **Trương Nhật S** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu **Trương Nhật Hải Đ** đủ 18 tuổi. Xét việc thỏa thuận của anh **Trương Nhật S** và chị **Võ Thị Như Q** là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh **Trương Nhật S** và chị **Võ Thị Như Q** công nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Là 300.000 đồng. Anh **Trương Nhật S** và chị **Võ Thị Như Q** mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trương Nhật S** và chị **Võ Thị Như Q** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu **Trương Nhật Hải Đ**, sinh ngày 26/01/2023 cho chị **Võ Thị Như Q** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh **Trương Nhật S** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời hạn nuôi con, cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Trương Nhật Hải Đ** đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh **Trương Nhật S** và chị **Võ Thị Như Q** công nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh **Trương Nhật S** và chị **Võ Thị Như Q** mỗi người phải chịu 150.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án 300.000 đồng mà anh chị đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004726 ngày 29/8/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Huế. Anh **Trương Nhật S** và chị **Võ Thị Như Q** đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh TT.Huế;
- VKSND Thành phố Huế;
- Chi cục THADS Thành phố Huế;
- UBND p. Thủy Xuân (đăng ký kết hôn số: 01, ngày 03/01/2023);
- Lưu: dán; hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hồ Vinh Phú